

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2016

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70,018,061,978	69,327,356,838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,946,798,723	830,055,727
1. Tiền	111		3,946,798,723	830,055,727
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	35,032,417,657	36,248,285,622
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3,840,182,905	585,027,622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(307,765,248)	(336,742,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		31,500,000,000	36,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25,919,473,681	23,359,058,584
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22,360,795,782	23,248,702,789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2,894,527,355	759,439,022
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	55,450,087,106	57,386,853,335
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(54,785,936,562)	(58,035,936,562)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4,378,463,000	7,878,185,223
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4,378,463,000	7,878,185,223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		740,908,917	1,011,771,682
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79,856,930	165,291,837
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		560,877,599	746,305,457
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		100,174,388	100,174,388
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183,990,851,915	183,617,342,803
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	48,938,240,000	48,938,240,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.9	(48,938,240,000)	(48,938,240,000)
II. Tài sản cố định	220		725,384,620	1,418,378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	725,384,620	1,418,378
<i>Nguyên giá</i>	222		1,070,958,184	250,958,184
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(345,573,564)	(249,539,806)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		95,400,000	95,400,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(95,400,000)	(95,400,000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	30,545,677,318	30,910,681,310
<i>Nguyên giá</i>	231		33,100,000,000	33,100,000,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2,554,322,682)	(2,189,318,690)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	130,753,913,060	130,739,366,198
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3,510,805,388	3,510,805,388
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		127,243,107,672	127,228,560,810
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		21,965,876,917	21,965,876,917
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	33,184,480,000	33,184,480,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	(11,218,603,083)	(11,218,603,083)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		254,008,913,893	252,944,699,641

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		32,907,930,551	32,442,132,360
I. Nợ ngắn hạn	310		32,907,930,551	32,442,132,360
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		19,700,000	21,780,000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2,287,264,516	2,237,852,516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	34,941,690	61,160,931
4. Phải trả người lao động	314		292,369,473	400,307,218
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		480,591,848	113,022,466
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	28,595,907,930	28,408,854,135
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1,197,155,094	1,199,155,094
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

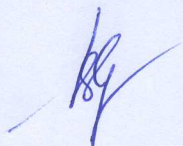
6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221,100,983,342	220,502,567,281
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	221,100,983,342	220,502,567,281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,790,387,000	2,790,387,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,546,600,829)	(3,546,600,829)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,300,261,084	7,300,261,084
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(158,943,063,913)	(159,541,479,974)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(159,541,479,974)	(160,017,425,841)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		598,416,061	475,945,867
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		254,008,913,893	252,944,699,641

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu



Lê Thị Hương

Kế toán trưởng



Lê Thị Hương

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5,748,681,356	2,755,200,487	10,436,548,920	8,173,382,305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-02)	10		5,748,681,356	2,755,200,487	10,436,548,920	8,173,382,305
4. Giá vốn hàng bán	11		7,575,830,965	1,998,151,163	11,909,524,644	7,560,818,447
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV (20=10-11)	20		(1,827,149,609)	757,049,324	(1,472,975,724)	612,563,858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		921,931,332	480,542,835	1,704,308,464	793,875,639
7. Chi phí tài chính	22		(25,400,967)	22,900,000	20,033,969	22,900,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				5,233,670	
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(492,949,066)	(319,347,095)	(387,117,290)	1,290,377,664
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(386,868,244)	1,534,039,254	598,416,061	93,161,833
11. Thu nhập khác	31			(505,038,750)		155,231,250
12. Chi phí khác	32			(22,244,956)		132,685,021
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	(482,793,794)	0	22,546,229
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(386,868,244)	1,051,245,460	598,416,061	115,708,062
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(386,868,244)	1,051,245,460	598,416,061	115,708,062
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Ngày... tháng... năm 2016

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)







CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		730,067,594	115,708,062
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		461,037,750	368,545,660
- Các khoản dự phòng	03		(3,278,976,752)	(2,252,100,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		900,301,210	(793,875,639)
- Chi phí lãi vay	06		5,233,670	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1,182,336,528)	(2,561,721,917)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		875,012,761	852,948,053
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,499,722,223	5,000,000,000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		336,146,658	6,479,739,092
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		85,434,907	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3,255,155,283)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5,233,670)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,000,000)	(169,740,593)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		351,591,068	9,601,224,635
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(834,546,862)	(800,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(1,949,722,223)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(33,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,500,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,049,421,013	793,875,639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,765,151,928	(33,006,124,361)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(114,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>(114,000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3,116,742,996	(23,405,013,726)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	830,055,727	24,848,660,547
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3,946,798,723	1,443,646,821

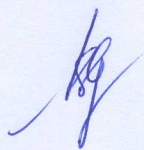
Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu



Lê Thị Hương

Kế toán trưởng



Lê Thị Hương

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** Dịch vụ kinh doanh và đầu tư Bất động sản; Dịch vụ đầu tư tài chính

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Đơn vị trực thuộc của Công ty không thực hiện hạch toán kế toán.
 2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
-

